

Bản án số: **53/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 01/8/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Ba và ông Đào Duy Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2024/TLST - HNGĐ ngày 28/5/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kiều L**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khóm 3, phường 1, thị xã DH, tỉnh TV (Có đơn xin vắng mặt).

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 9, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kiều L trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị L và anh L1 chung sống với nhau từ năm 2022 và có thực hiện việc đăng ký kết hôn, anh chị đã được Ủy ban nhân dân phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/10/2022.

Trong quá trình chung sống đến năm 2023 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn không hàn gắn được. Chị và anh L1 đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay và cũng không liên lạc với nhau.

Xét thấy, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân không thể kéo dài nên chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L1.

- *Về con chung*: Chị và anh L1 có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Thái S (sinh ngày 01/12/2022, giới tính nam), cháu S chung sống cùng chị L từ khi chị và anh L1 ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu Sơn và yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Sơn đủ tuổi trưởng thành.

Tuy nhiên, Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị L vào ngày 21/6/2024 thì chị L xác định, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L xác nhận, trong quá trình chung sống chị và anh L1 không tạo lập được tài sản chung và không phát sinh nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L1 trình bày như sau*:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2022, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường DĐ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/10/2022.

Trong quá trình chung sống đến năm 2023 thì vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn không hàn gắn nên anh và chị L đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay không có liên lạc với nhau. Do hiện nay, anh không còn tình cảm với chị L nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

- *Về con chung*: Anh và chị L có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Thái S (sinh ngày 01/12/2022, giới tính nam), cháu S đang chung sống cùng chị L từ khi anh và chị L ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu S và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, anh đang mở tiệm cầm đồ tại xã CD, mức thu nhập của anh hàng tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh L1 xác nhận, trong quá trình chung sống anh và chị L không tạo lập được tài sản chung và không phát sinh nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa*:

- *Chị L*: Vắng mặt không có lời trình bày.

- *Anh L1*: Đồng ý ly hôn với chị L; đồng ý giao cháu S cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

+ *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng:* Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 9, Điều 55, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn L1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Thái S cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh L1 không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc các đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kiều L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1 và yêu cầu được nuôi con là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Khi chị L khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh L1 đang cư trú và sinh sống tại khu phố 9, phường DĐ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh L1 chung sống với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường DĐ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/10/2022 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của L đối với anh L1: Chị L cho rằng trong thời gian chung sống giữa chị và anh L1 thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay không liên lạc. Trong quá trình Tòa án lấy lời khai, anh L1 cũng

xác nhận việc anh và chị L mâu thuẫn không hàn gắn được, thời gian ly thân như chị L trình bày là đúng. Tuy nhiên, ngày 21/6/2024 chị L có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải do chị xác định việc hòa giải không đạt được kết quả.

Tại phiên tòa, anh L1 xác định khả năng đoàn tụ không còn và giữ nguyên ý kiến thống nhất ly hôn với chị L. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 9 và Điều 55 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L1.

[3] *Về quan hệ con chung*: Trong quá trình giải quyết, chị L và anh L1 xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Thái S (*sinh ngày 01/12/2022*), hiện nay đang chung sống cùng chị L từ khi anh chị ly thân đến nay.

Xét yêu cầu nuôi con của chị L và anh L1: HĐXX xét thấy, hiện nay cháu Thái S (*sinh ngày 01/12/2022*) chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu nên việc để cháu S cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn là cần thiết và phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014. Đồng thời, tại phiên tòa anh L1 thống nhất giao cháu S cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do chị L tự nguyện không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét. Nhưng khi cần thiết, chị L có quyền yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết, chị L và anh L1 xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí sơ thẩm (thuận tình ly hôn 300.000 đồng x 50%) = 150.000 đồng*. Buộc chị L và anh L1, mỗi người phải chịu 1/2 án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 55, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn L1.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Huỳnh Thái S (sinh ngày 01/12/2022, giới tính nam) cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết, chị L có quyền yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Sau khi ly hôn, anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh L1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L1.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí sơ thẩm*:

- Buộc chị Huỳnh Thị Kiều L chịu án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000213 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Chị L còn được nhận lại số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc anh Nguyễn Văn L1 chịu án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

5. *Quyền kháng cáo*: Anh L1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 01/8/2024).

Chị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- TAND tỉnh KG;
- UBND **phường ĐĐ**;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Cẩm Linh